

Pháp luật một số nước châu Âu về nuôi con nuôi của các cặp đồng tính và kinh nghiệm cho Việt Nam

05/07/2026

Tóm tắt: Không chỉ tại Việt Nam, trên thế giới cũng có rất nhiều những quan điểm tranh cãi về vấn đề nuôi con nuôi của những cặp đôi đồng tính, ở mỗi quốc gia, khu vực và vùng lãnh thổ có những quan điểm trái chiều dẫn đến những khác biệt về mặt pháp luật khi quy định về quyền nuôi con nuôi của các cặp đồng tính. Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết tìm hiểu, phân tích pháp luật của một số nước châu Âu về nuôi con nuôi của các cặp đồng tính, từ đó gợi mở một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

Từ khóa: Pháp luật; châu Âu; nuôi con nuôi; đồng tính; kinh nghiệm Việt Nam.

Abstract: Controversies regarding adoption by same-sex couples exist not only in Vietnam but globally. Different perspectives across countries and territories lead to legal disparities regarding these adoption rights. Within the scope of this study, this article explores and analyzes the laws of several European countries on same-sex adoption to provide insights and experiences for Vietnam.

Keyword: Law; Europe; adoption; same-sex; Vietnamese experience.

Ở Việt Nam, các cặp đồng tính là đối tượng ngày càng được quan tâm, nghiên cứu. Đặc biệt là quyền kết hôn và quyền nuôi con nuôi đang có nhiều ý kiến khác nhau, do đây là những quyền cơ bản của con người, của công dân cần được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ. Tuy nhiên, các nghiên cứu thường tập trung vào quyền kết hôn hay đăng ký sống chung của các cặp đồng tính, vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới hay vấn đề chuyển đổi giới tính mà chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào về quyền nuôi con nuôi của họ, cũng như sự phân biệt đối xử trong việc nhận con nuôi trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới của người nhận con nuôi. Trong khi đó, trên thế giới hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu khá toàn diện về vấn đề nuôi con nuôi của các cặp đồng tính, được thực hiện bởi các cá nhân, tổ chức chuyên về tâm lý học, các tổ chức của người đồng tính, các tổ chức bảo vệ trẻ em, các hiệp hội, các tổ chức hoạt động liên quan tới nhân quyền^[1]. Do đó, việc tìm hiểu, tham khảo kinh nghiệm pháp luật nước ngoài, nhất là một số nước phát triển ở châu Âu về vấn đề này là cần thiết.

1. Pháp luật của một số nước châu Âu về nuôi con nuôi của các cặp đồng tính

1.1. Nuôi con nuôi của các cặp đồng tính theo pháp luật Đức

Đức đã hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính, trao quyền đầy đủ cho họ, trong đó có quyền nhận con nuôi. Các quy định về việc nhận con nuôi của cặp đồng tính tại Đức đã

trải qua sự thay đổi đáng kể, quá trình kéo dài nhiều năm, bắt đầu từ một dự luật được Hạ viện thông qua ngày 11/11/2015, Luật Xác lập quyền kết hôn cho người cùng giới được Hạ viện thông qua vào ngày 30/6/2017[2]. Quy trình nhận con nuôi của các cặp đồng tính tại Đức tương tự như quy trình áp dụng cho các cặp vợ chồng dị giới, được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự (BLDS) Đức. Điều này bao gồm việc xác định năng lực và điều kiện của cả hai người, kiểm tra sức khỏe, tài chính, môi trường sống phù hợp để nuôi dưỡng và chăm sóc con nuôi. Các cặp đồng tính cũng phải tuân theo các quy định về quyền lợi và trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc nuôi dưỡng con cái[3].

Thứ nhất, điều kiện nhận con nuôi

(i) Điều kiện khi nhận con nuôi chung, cặp vợ chồng đồng tính nhận con nuôi chung với những điều kiện giống như cặp vợ chồng khác giới. Theo quy định tại khoản 1 Điều 1741 BLDS Đức, việc nhận con nuôi chỉ được phép nếu phục vụ cho lợi ích tốt nhất của đứa trẻ và hình thành mối quan hệ cha mẹ - con giữa cha mẹ nuôi và đứa trẻ đó. Nghĩa là việc nhận nuôi không chỉ để thỏa mãn mục đích cá nhân của người nhận nuôi, mà còn phải bảo đảm việc này sẽ mang lại sự bảo vệ và cơ hội phát triển tốt nhất cho đứa trẻ, nâng cao chất lượng sống và phát triển của đứa trẻ đó trong một gia đình ổn định. Theo khoản 2 Điều 1741 BLDS Đức, vợ chồng chỉ có thể nhận con nuôi chung, tức là cả hai người đều phải đồng ý và cùng tham gia thủ tục nhận nuôi. Điều này phản ánh nguyên tắc gia đình trong pháp luật Đức, yêu cầu sự tham gia và trách nhiệm của cả hai người trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc đứa trẻ. Quy định này giúp bảo đảm rằng việc nhận nuôi không chỉ là quyết định cá nhân mà là một sự lựa chọn chung của cả gia đình, nhằm mang lại sự ổn định và môi trường chăm sóc tốt nhất cho trẻ. Về độ tuổi tối thiểu trong việc nhận con nuôi được ghi nhận tại Điều 1743 BLDS Đức, đối với trường hợp là vợ chồng, ít nhất một người phải đủ 25 tuổi và người còn lại phải có độ tuổi tối thiểu là 21 tuổi. Quy định này nhằm bảo đảm rằng người nhận nuôi đã có đủ sự trưởng thành, khả năng tài chính và tinh thần để chăm sóc và nuôi dưỡng một đứa trẻ. Việc không quy định rõ trong hai người ai phải đủ 21 tuổi và ai phải đủ 25 tuổi cho phép linh hoạt trong trường hợp vợ chồng có sự chênh lệch về tuổi, nhưng vẫn bảo đảm người nhận nuôi có đủ sự trưởng thành cần thiết để nuôi dưỡng đứa trẻ.

(ii) Điều kiện khi nhận con riêng của người còn lại làm con nuôi, vợ hoặc chồng có thể nhận nuôi con của người còn lại thông qua việc nhận con nuôi theo khoản 2 Điều 1741 BLDS Đức: “*Vợ hoặc chồng có thể nhận nuôi con nuôi là con của người còn lại*”[4]. Quy định này bảo đảm đứa trẻ được chăm sóc và nuôi dưỡng bởi cả hai bên trong gia đình, đồng thời duy trì sự gắn kết và ổn định trong quan hệ gia đình. Thực tế, việc nhận nuôi con riêng không chỉ là việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý mà còn là sự thừa nhận và cam kết của người nhận nuôi đối với đứa trẻ, tạo cơ hội cho trẻ em phát triển trong môi trường gia đình có đầy đủ tình yêu thương và trách nhiệm từ cả hai vợ chồng.

Quy định này phản ánh một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Đức về việc bảo vệ quyền lợi của trẻ em.

(iii) Điều kiện nhận con nuôi cá nhân, theo khoản 2 Điều 1741 BLDS Đức: “*Vợ hoặc chồng có thể nhận nuôi con nuôi một mình, nếu người còn lại không thể nhận nuôi con nuôi vì không đủ năng lực pháp luật hoặc chưa đủ 21 tuổi*”[5]. Đây là hình thức nhận con nuôi đặc biệt dành cho những người đã kết hôn khi một trong hai vợ chồng không trực tiếp nhận con nuôi. Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm tính hợp pháp của quá trình nhận nuôi, đồng thời bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Việc không đủ năng lực pháp luật sẽ khiến một cá nhân không thể tham gia vào các giao dịch pháp lý, trong đó có việc nhận nuôi. Người còn lại có thể thực hiện thủ tục nhận nuôi một mình, nhằm bảo vệ quyền lợi của đứa trẻ mà không làm gián đoạn quá trình nhận nuôi. Đồng thời, quy định về độ tuổi tối thiểu 21 nhằm bảo đảm người nhận nuôi có đủ sự trưởng thành và khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc đứa trẻ. Nếu một trong hai vợ chồng chưa đạt độ tuổi này, người còn lại vẫn có thể nhận nuôi con nuôi một mình, bảo đảm trẻ em luôn được chăm sóc trong môi trường ổn định, có trách nhiệm. Điều này thể hiện sự linh hoạt của hệ thống pháp luật Đức trong việc điều chỉnh các tình huống đặc biệt, đồng thời luôn hướng đến việc bảo vệ lợi ích của đứa trẻ trong mọi hoàn cảnh.

(iv) Việc nhận con nuôi chung của các cặp đôi trong quan hệ đôi tác có đăng ký. Quan hệ đôi tác có đăng ký tại Đức trải qua ba giai đoạn chính liên quan đến quyền nhận con nuôi chung của các cặp đồng tính. Trong giai đoạn đầu, từ khi Luật về Quan hệ đôi tác đăng ký có hiệu lực năm 2001 đến trước phán quyết ngày 19/2/2013, các cặp đồng tính không được phép nhận con nuôi chung và không được phép nhận con nuôi kế tiếp. Điều này được quy định rõ trong Điều 9 Luật Hợp tác dân sự năm 2001. Từ sau phán quyết năm 2013, các cặp đồng tính vẫn không được phép nhận con nuôi chung nhưng họ có thể nhận con nuôi theo hình thức nhận con nuôi kế tiếp. Quyền này đã được công nhận rộng rãi cho các cặp đồng tính, với căn cứ là phán quyết của Tòa án Hiến pháp Đức về việc vi phạm nguyên tắc bình đẳng khi cấm các cặp đồng tính nhận con nuôi kế tiếp[6]. Một người nhận nuôi đứa trẻ và người còn lại sẽ có quyền nhận nuôi chính đứa trẻ đó khi thủ tục của người đầu tiên hoàn tất. Đây là một hình thức nhận nuôi gián tiếp, nhưng hệ quả pháp lý vẫn giống như việc nhận con nuôi chung, vì người thứ hai sẽ có đầy đủ quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng đứa trẻ như người đầu tiên. Quyền này được chính thức hóa tại Luật Thi hành phán quyết của Tòa án Hiến pháp Liên bang về việc đôi tác dân sự nhận con nuôi kế tiếp trên Công báo Luật Liên bang số 27 ngày 26/6/2014[7]. Theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Luật về Quan hệ đôi tác đăng ký[8]: “*Nếu một bên đôi tác tự mình nhận con nuôi thì phải có sự đồng ý của bên kia*”. Trường hợp một người muốn nhận nuôi một đứa trẻ thì sự đồng ý của người còn lại là điều kiện tiên quyết. Điều

này bảo đảm quyết định nhận con nuôi được cả hai bên thống nhất và không gây ra xung đột trong mối quan hệ.

Thứ hai, quy trình nhận con nuôi

(i) Đơn đăng ký của người nhận con nuôi là bước đầu tiên quan trọng trong quá trình nhận con nuôi. Thủ tục này thường được thực hiện trước khi sinh và phải được công chứng. Công chứng viên có trách nhiệm gửi đơn đăng ký đến Tòa án để tiến hành xem xét quyết định. Đơn đăng ký có thể được rút lại bất kỳ lúc nào trước khi Tòa án ra quyết định chính thức. Theo Điều 1752 BLDS Đức, quyết định về việc nhận con nuôi sẽ được Tòa án cấp dưới dựa trên đơn đăng ký của người nhận con nuôi. Đơn xin phải được lập một cách nghiêm túc, không được có điều kiện ràng buộc hay giới hạn thời gian, không được thực hiện thông qua người đại diện và phải được chứng nhận công chứng. Việc chuẩn bị và nộp đơn đăng ký nhận con nuôi là một quy trình quan trọng và cần thiết, đòi hỏi sự chính xác và tính pháp lý cao. Điều này giúp bảo đảm tính minh bạch và công bằng trong việc xem xét và quyết định việc nhận con nuôi, từ đó tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc con nuôi sau này.

(ii) Sự đồng ý, Điều 1746 BLDS Đức quy định về sự đồng ý của trẻ em trong các giao dịch dân sự. Trẻ em cần phải có sự đồng ý mới được chấp nhận. Đối với trẻ em không đủ năng lực hành vi dân sự hoặc dưới 14 tuổi, cần có người đại diện theo pháp luật đồng ý thay mặt cho trẻ thường là cha mẹ hoặc người giám hộ. Trường hợp trẻ em đủ 14 tuổi không đủ năng lực hành vi dân sự, trẻ có quyền rút lại sự đồng ý của mình trước Tòa án trước khi quyết định chấp nhận có hiệu lực. Việc thu hồi yêu cầu phải có chứng nhận công khai và không cần sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp người giám hộ hoặc người chăm sóc từ chối sự đồng ý hoặc đồng ý mà không có lý do chính đáng, Tòa án có thể thay thế. Trường hợp cha mẹ liên tục vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ đối với con, dẫn đến việc không thể bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho trẻ, Tòa án có quyền ra quyết định thay thế sự đồng ý của cha mẹ. Các hành vi vi phạm này có thể bao gồm việc không cung cấp sự chăm sóc cần thiết, gây hại về thể chất, tinh thần cho trẻ, hoặc tạo ra một môi trường sống không lành mạnh, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của trẻ. Quyết định của Tòa án nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, bảo đảm trẻ được sống trong một môi trường an toàn và lành mạnh theo Điều 1748 BLDS Đức^[9].

1.2. Nuôi con nuôi của các cặp đồng tính theo pháp luật Thụy Sĩ

Pháp luật Thụy Sĩ công nhận bình đẳng hôn nhân và cho phép các cặp đồng tính nhận con nuôi chung được quy định tại BLDS Thụy Sĩ với lần sửa đổi gần nhất năm 2022, với những điều chỉnh liên quan đến quyền nhận con nuôi của các cặp đồng tính sau khi Thụy Sĩ hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính. Tháng 7/2022, các cặp đồng tính đã có quyền kết hôn và nhận con nuôi chung. BLDS Thụy Sĩ năm 1907 được sửa đổi năm

2022 để hợp pháp hóa hôn nhân bình đẳng và cùng với đó là việc nhận con nuôi chung của các cặp đồng tính đã kết hôn theo cùng điều kiện như các cặp khác^[10]. Đã mở ra cơ hội cho các cặp đồng tính có thể xây dựng gia đình và nuôi dưỡng con cái hợp pháp và chính đáng. Việc công nhận và cho phép nhận con nuôi chung cho các cặp đồng tính là một bước tiến lớn trong việc thúc đẩy bình đẳng cho cộng đồng LGBT tại Thụy Sĩ.

Thứ nhất, điều kiện nhận con nuôi

(i) Trường hợp các cặp đồng tính đã được phép kết hôn và nhận con nuôi. Đối với điều kiện nhận con nuôi chung, theo quy định tại Điều 264a BLDS Thụy Sĩ, vợ chồng cùng nhau nhận con nuôi chung nếu họ đã chung sống trong cùng một mái nhà ít nhất 3 năm và cả hai đều đã bước sang tuổi 28. Quy định này đã có những điều chỉnh đáng chú ý, như việc rút ngắn yêu cầu thời gian chung sống từ 5 năm xuống còn 3 năm. Đồng thời, độ tuổi tối thiểu để nhận con nuôi cũng đã được giảm từ 35 xuống còn 28 tuổi. Trường hợp đặc biệt, có thể linh hoạt về độ tuổi tối thiểu nếu điều đó là cần thiết để bảo vệ lợi ích tốt nhất của trẻ. Nhằm bảo đảm rằng quy định về độ tuổi không gây cản trở cho việc nhận con nuôi mà vẫn an toàn và phù hợp với tình hình của từng trường hợp.

(ii) Điều kiện khi nhận con nuôi cá nhân, theo Điều 264b, cặp đôi đồng tính đã kết hôn có thể nhận con nuôi một mình trong một số trường hợp đặc biệt. Đối với người đã kết hôn, ngoài việc đáp ứng điều kiện về độ tuổi tối thiểu, nếu người phối ngẫu mất khả năng phán đoán vĩnh viễn hoặc mất tích trên 2 năm, hoặc vợ chồng đã ly thân trên 3 năm theo phán quyết của Tòa án, thì người còn lại có thể nhận con nuôi một mình.

(iii) Điều kiện khi nhận con riêng của người còn lại làm con nuôi, những cặp đồng tính đã chính thức kết hôn hiện cũng có quyền nhận con riêng của bạn đời làm con nuôi. Điều kiện được quy định cụ thể tại Điều 264c, trong đó yêu cầu cặp vợ chồng phải chứng minh rằng họ đã sống chung với nhau ít nhất 3 năm. Điều kiện này nhằm bảo đảm mối quan hệ giữa hai người đã đủ ổn định và có thể tạo ra môi trường sống bền vững cho trẻ. Ngoài ra, không có quan hệ hôn nhân hoặc đăng ký kết hợp khác, có nghĩa là mỗi người chỉ được phép có một mối quan hệ hợp pháp duy nhất. Quy định này mở ra cơ hội cho các gia đình đồng tính để được công nhận tư cách pháp lý trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con riêng của một trong hai người, từ đó tạo lập một gia đình hoàn chỉnh và hợp pháp.

(iv) Điều kiện về khoảng cách tuổi tác giữa người nhận nuôi và trẻ em. Điều 264d BLDS Thụy Sĩ quy định người nhận con nuôi không được nhỏ hơn 16 tuổi so với trẻ. Điều này giúp bảo đảm người nhận có đủ kinh nghiệm sống và khả năng chăm sóc một đứa trẻ. Việc giới hạn tuổi của người nhận không được lớn hơn 45 tuổi cũng giúp bảo đảm họ có đủ sức khỏe để nuôi dạy và chăm sóc trẻ trong suốt quá trình trưởng thành. Trường hợp ngoại lệ về khoảng cách tuổi nếu điều này cần thiết cho lợi ích của trẻ.

Người muốn nhận con nuôi phải chứng minh việc ngoại lệ về tuổi là cần thiết và sẽ mang lại lợi ích cho trẻ.

(v) Điều kiện về sự đồng ý. Theo quy định tại Điều 265 BLDS Thụy Sĩ, việc nhận con nuôi đòi hỏi sự đồng ý của nhiều bên liên quan. Đối với trẻ em có khả năng phán đoán phải đồng ý với việc nhận con nuôi. Có nghĩa là trẻ em phải có đủ độ tuổi và khả năng hiểu biết để đưa ra quyết định. Sự đồng ý của trẻ là điều kiện bắt buộc, không thể tiến hành thủ tục nhận con nuôi nếu không có sự đồng ý. Về phía cha mẹ, cả cha và mẹ đều phải đồng ý cho con mình được nhận làm con nuôi. Sự đồng ý này có thể được thể hiện bằng miệng hoặc văn bản và phải được cơ quan bảo vệ trẻ em ghi nhận. Điều đáng chú ý là sự đồng ý của cha mẹ vẫn có hiệu lực ngay cả khi người nhận con nuôi chưa được xác định cụ thể. Ngay cả khi trẻ đã có người giám hộ, cơ quan bảo vệ trẻ em vẫn phải đồng ý mới được tiến hành thủ tục nhận con nuôi nhằm bảo đảm quyền và lợi ích của trẻ em một cách tốt nhất.

Thứ hai, quy trình nhận nuôi con

(i) Đơn đăng ký nhận con nuôi. Các yêu cầu nhận con nuôi phải được đáp ứng khi nộp đơn. Sau khi nộp đơn, người muốn nhận con nuôi qua đời hoặc mất năng lực phán đoán không ngăn cản việc nhận con nuôi nếu các yêu cầu khác vẫn được đáp ứng. Nếu trẻ em đã đến tuổi trưởng thành sau khi nộp đơn xin nhận con nuôi thì các quy định về việc nhận con nuôi đối với trẻ vị thành niên vẫn tiếp tục được áp dụng với điều kiện các yêu cầu về việc nhận con nuôi đã được đáp ứng trước đó. Quyết định nhận con nuôi phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào sổ hộ tịch liên quan đến họ, tên, quốc tịch của người được nhận làm con nuôi. Điều này giúp bảo đảm tính chính xác và minh bạch trong quá trình nhận nuôi con, đồng thời tạo điều kiện cho việc quản lý và theo dõi thông tin của người được nhận nuôi (Điều 268 BLDS).

(ii) Việc điều tra thông tin quy định tại Điều 268a, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành các cuộc điều tra về hoàn cảnh người nhận nuôi, xem xét tính cách và sức khỏe của người muốn nhận con nuôi và trẻ em, mối quan hệ giữa họ, tính phù hợp với vai trò làm cha mẹ, tình hình tài chính, động cơ và hoàn cảnh gia đình của họ cũng như lịch sử của mối quan hệ chăm sóc trẻ. Ngoài việc các chuyên gia y tế đánh giá các vấn đề sức khỏe của người muốn nuôi con, các cuộc điều tra cũng sẽ đánh giá tính phù hợp với vai trò làm cha mẹ. Người xin nhận phải thể hiện sự hiểu biết và sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm làm cha mẹ, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của trẻ.

(iii) Quy tắc bảo mật việc nhận con nuôi, một thay đổi quan trọng liên quan đến việc nói lỏng tính bảo mật xung quanh việc nhận con nuôi đã tạo sự chú ý trong lĩnh vực pháp luật tại Thụy Sĩ. Dù việc nhận con nuôi công khai, khi các gia đình nuôi và gia đình sinh học có thể tiếp cận thông tin cá nhân của nhau và có thể liên lạc đã tồn tại ở một số quốc gia khác, nhưng ở Thụy Sĩ chỉ có thể thực hiện “việc nhận con nuôi bí

mật”. Tuy nhiên, BLDS Thụy Sĩ đã điều chỉnh việc bảo mật thông tin liên quan đến việc nhận con nuôi theo hướng mới. Theo quy định của Điều 268b, BLDS Thụy Sĩ đã điều chỉnh về việc bảo mật thông tin liên quan đến việc nhận con nuôi^[11]. Cha mẹ ruột có thể nhận thông tin về danh tính của con trưởng thành nếu đưa trẻ đồng ý. Điều này tạo ra một cơ chế mới, tăng cường quyền lợi thông tin cho cả cha mẹ ruột và trẻ được nhận nuôi. Trẻ được nhận nuôi cũng có quyền nhận thông tin về bất kỳ anh chị em ruột hoặc anh chị em cùng cha khác mẹ nào, miễn là những người này trên 18 tuổi và đồng ý. Với sự điều chỉnh mới này, BLDS Thụy Sĩ đã thể hiện sự quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan trong quá trình nhận con nuôi, đồng thời tạo ra cơ chế linh hoạt và minh bạch hơn trong việc trao đổi thông tin giữa các gia đình nuôi và gia đình sinh học, góp phần nâng cao tính công bằng và an toàn cho quá trình nhận con nuôi tại Thụy Sĩ, giúp tạo ra một môi trường thông tin mở và minh bạch, đồng thời tôn trọng quyền lợi và sự riêng tư của từng cá nhân trong quá trình nhận con nuôi.

1.3. Nuôi con nuôi của các cặp đồng tính theo pháp luật Vương quốc Anh

Vương quốc Anh đã hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính. Việc hợp pháp hóa này mang lại cho các cặp đồng tính đầy đủ các quyền lợi pháp lý như các cặp khác giới như quyền nhận nuôi con nuôi, đánh dấu sự thay đổi lớn trong nhận thức xã hội và pháp luật về mối quan hệ đồng tính. Trước năm 2014, các cặp đồng tính chỉ có thể đăng ký quan hệ đối tác dân sự, không mang lại đầy đủ quyền lợi như hôn nhân. Nhờ những nỗ lực vận động bền bỉ của cộng đồng LGBT và các tổ chức nhân quyền, Nghị viện Anh đã thông qua Luật cho phép hôn nhân đồng tính vào tháng 3/2014, mở đường cho Scotland (tháng 12/2014) và cuối cùng là Bắc Ireland (tháng 1/2020) có bước đi kế tiếp^[12]. Từ đó mở rộng quyền nhận con nuôi cho các cặp đôi đồng tính tại Anh tương tự như quy trình áp dụng cho các cặp vợ chồng dị giới, được ghi nhận trong Luật Nuôi con nuôi và trẻ em năm 2002 (Luật NCNVTE). Các cặp và cá nhân đồng tính có thể nhận con nuôi tại Anh nếu họ đáp ứng các tiêu chuẩn tương tự như các cặp hoặc cá nhân dị tính.

Thứ nhất, về điều kiện nhận con nuôi

(i) Trường hợp các cặp đồng tính đã được cho phép kết hôn và nhận con nuôi. Điều kiện nhận con nuôi chung, khi được pháp luật công nhận là vợ chồng, các cặp đồng tính có quyền nhận con nuôi chung. Có nghĩa là đưa trẻ được nhận nuôi sẽ chính thức trở thành con chung của cả hai người. Để thực hiện quyền này, cả hai người cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhận con nuôi mà pháp luật quy định. Các cặp đôi này phải đáp ứng các điều kiện tương tự như các cặp đôi dị tính theo quy định tại Điều 49 Luật NCNVTE. Theo đó, một cặp vợ chồng hoặc một cá nhân đều có thể nhận nuôi con nuôi, bất kể xu hướng tính dục và phải tuân thủ một số điều kiện chung như quốc tịch, độ tuổi, sự đồng ý của các bên liên quan.

Về điều kiện quốc tịch đối với việc nhận con nuôi, Điều 49 Luật NCNVTE quy định, ít nhất một người trong cặp vợ chồng phải có quốc tịch của một phần trong Quần đảo Anh, bao gồm Anh, Scotland, Wales và Bắc Ireland. Ngoài ra, nếu cả hai người trong cặp vợ chồng đều không có quốc tịch này, họ phải chứng minh họ đã thường trú tại một phần của Quần đảo Anh trong thời gian không dưới 01 năm, tính đến ngày nộp đơn xin nhận con nuôi. Điều này bảo đảm các cặp vợ chồng, dù là đồng tính hay dị tính, đều có mối liên hệ chặt chẽ và ổn định với cộng đồng nơi họ sinh sống, giúp tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ được nhận nuôi.

Về điều kiện độ tuổi của cha mẹ khi nhận con nuôi, theo Luật NCNVTE, một lệnh nhận con nuôi có thể được cấp cho một cặp đôi với điều kiện cả hai người đều phải từ 21 tuổi trở lên, nhằm bảo đảm họ đã đạt đến một mức độ trưởng thành nhất định có thể đảm nhận trách nhiệm nuôi dưỡng một đứa trẻ. Tuy nhiên, cũng có trường hợp ngoại lệ, nếu việc nhận con nuôi liên quan đến con riêng của một trong hai người trong cặp vợ chồng, thì người có con riêng phải đủ 18 tuổi, vì ở độ tuổi này, người đó được coi là trưởng thành để có quyền pháp lý đối với con mình, trong khi người còn lại trong cặp đôi phải đạt ít nhất 21 tuổi.

Về điều kiện độ tuổi của trẻ khi nhận nuôi, theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật NCNVTE, đơn xin lệnh nhận con nuôi chỉ được nộp nếu người được nhận nuôi chưa đủ 18 tuổi vào ngày nộp đơn. Điều này bảo đảm quá trình nhận con nuôi diễn ra trong thời gian mà đứa trẻ vẫn trong độ tuổi vị thành niên, cần sự chăm sóc, bảo vệ từ cha mẹ nuôi. Quy định này giúp tạo điều kiện để các cặp vợ chồng hoặc cá nhân có thể cung cấp môi trường sống ổn định và an toàn cho trẻ.

Về điều kiện sự đồng ý, Điều 52 Luật NCNVTE quy định về sự đồng ý của cha mẹ ruột đứa trẻ trong quá trình nhận con nuôi. Theo nguyên tắc chung, cả hai cha mẹ ruột đều phải đồng ý việc nhận con nuôi. Đây là một yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm quyết định này được đưa ra một cách cẩn thận và phù hợp với lợi ích tốt nhất của đứa trẻ. Tuy nhiên, có những trường hợp ngoại lệ Tòa án có thể xem xét để miễn trừ sự đồng ý của một hoặc cả hai cha mẹ, hoặc người giám hộ của đứa trẻ. Cụ thể, Tòa án chỉ có thể miễn trừ sự đồng ý nếu đáp ứng một trong các điều kiện: (a) Không thể tìm thấy cha mẹ hoặc người giám hộ; (b) Cha mẹ hoặc người giám hộ bị thiếu năng lực theo nghĩa của Đạo luật Năng lực tâm thần năm 2005, nghĩa là họ không có khả năng hiểu và đưa ra quyết định về việc nhận con nuôi.

(ii) Trường hợp các cặp đồng tính trong quan hệ đối tác đăng ký và nhận con nuôi. Về điều kiện quốc tịch đối với việc nhận con nuôi, các cặp trong quan hệ đối tác dân sự cũng phải đáp ứng các yêu cầu tương tự như các cặp vợ chồng. Theo Điều 49 Luật NCNVTE, người nộp đơn phải có quốc tịch tại một phần của Quần đảo Anh, hoặc đã thường trú tại một phần của Quần đảo Anh trong thời gian không dưới 01 năm, tính

đến ngày nộp đơn. Điều này nhằm bảo đảm người nộp đơn có sự gắn bó và cam kết lâu dài với cộng đồng, đồng thời có đủ điều kiện để cung cấp môi trường sống ổn định và phù hợp cho trẻ.

Điều kiện độ tuổi của cha mẹ khi nhận con nuôi, Điều 51 Luật NCNVTE quy định, một cá nhân đủ 21 tuổi là một đối tác dân sự có thể được cấp lệnh nhận con nuôi. Điều này cho phép các cặp trong quan hệ đối tác dân sự có thể cùng nhau nhận con nuôi và xây dựng gia đình. Tuy nhiên, trong trường hợp ngoại lệ, Tòa án có thể xem xét cấp phép nhận con nuôi cho một đối tác dân sự khi đối tác kia không đáp ứng được điều kiện này. Những trường hợp ngoại lệ gồm: (a) Các đối tác dân sự đã ly thân và đang sống ly thân, có thể là vĩnh viễn; hoặc (b) Đối tác dân sự của người đó bị suy yếu sức khỏe về thể chất hoặc tinh thần, không có khả năng nộp đơn xin lệnh nhận con nuôi. Trong mọi trường hợp, quy trình nhận con nuôi sẽ tuân theo các quy định pháp luật, nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ và người được xem xét nhận con nuôi. Tòa án đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quá trình nhận con nuôi tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, bảo đảm quyền lợi của trẻ và người được xem xét để nhận con nuôi.

Điều kiện độ tuổi của trẻ khi nhận nuôi, theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật NCNVTE, đơn xin lệnh nhận con nuôi chỉ được nộp nếu người được nhận nuôi chưa đủ 18 tuổi tính ngày nộp đơn. Bằng cách giới hạn độ tuổi, pháp luật bảo đảm trẻ em được nhận nuôi sẽ có cơ hội lớn lên trong môi trường gia đình ổn định và được chăm sóc chu đáo. Trẻ em dưới 18 tuổi cần sự quan tâm đặc biệt về thể chất, tinh thần và xã hội. Việc nhận nuôi trong giai đoạn này giúp trẻ xây dựng mối quan hệ gắn bó với cha mẹ nuôi, hình thành nhân cách và phát triển toàn diện.

Điều kiện sự đồng ý, tương tự các cặp vợ chồng đồng tính, việc nhận nuôi của các cặp trong quan hệ đối tác dân sự cũng cần có sự đồng ý của cha mẹ ruột trong quá trình nhận con nuôi. Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 51 Luật NCNVTE, Tòa án có thể xác định một số trường hợp ngoại lệ trong đó sự đồng ý của cha mẹ ruột không cần thiết. Tòa án có thể miễn trừ sự đồng ý của cha mẹ ruột trong một số trường hợp cụ thể: Trường hợp cha hoặc mẹ ruột đã qua đời, Tòa án có thể cấp lệnh nhận con nuôi mà không cần sự đồng ý của cha mẹ đã mất, hoặc trường hợp không thể tìm thấy cha hoặc mẹ ruột, Tòa án có thể xem xét việc miễn trừ sự đồng ý của họ hoặc xem xét các lý do khác cho đứa trẻ được nhận làm con nuôi.

Thứ hai, quy trình nhận con nuôi

Theo khoản 4 Điều 18 Luật NCNVTE, việc nhận con nuôi đối với các cặp đồng tính đòi hỏi sự xác nhận từ cơ quan nhận con nuôi rằng họ phù hợp với nhu cầu của trẻ. Quá trình này sẽ xem xét các yếu tố như độ tuổi, sức khỏe, tài chính, tôn giáo, dân tộc và con cái trong gia đình. Họ có thể liên hệ với cơ quan nhận con nuôi thuộc hội đồng địa phương hoặc tổ chức tự nguyện. Sau khi nộp đơn, cơ quan nhận con nuôi sẽ tiến

hành đánh giá để xem có phù hợp trở thành cha mẹ nuôi hay không. Khi quá trình đánh giá hoàn tất, đơn sẽ được chuyển đến hội đồng nhận con nuôi của cơ quan để đưa ra khuyến nghị về việc chấp thuận đơn. Để có lệnh nhận con nuôi, việc nộp đơn lên Tòa án là bắt buộc. Quy trình của Tòa án sẽ được áp dụng đồng nhất đối với tất cả các trường hợp nhận con nuôi. Mỗi quan tâm chính của Tòa án sẽ là bảo đảm rằng phúc lợi của trẻ em được bảo vệ và thúc đẩy trong suốt cuộc đời của trẻ. Tòa án xem xét các báo cáo khác nhau từ cơ quan nhận con nuôi, chính quyền địa phương và các bên khác để đưa ra quyết định. Khi cấp lệnh nhận con nuôi, Tòa án phải quyết định việc đưa ra lệnh nhận con nuôi sẽ tốt hơn cho trẻ so với việc không đưa ra lệnh[\[13\]](#).

2. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam

Nghiên cứu pháp luật của một số nước châu Âu như Đức, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh về nuôi con nuôi của các cặp đồng tính nhận thấy, pháp luật của các nước này rất tiên bộ, phù hợp pháp luật quốc tế trong việc ghi nhận, bảo vệ quyền con người, quyền nhân thân của mỗi cá nhân nói chung, trong đó có quyền kết hôn, quyền nuôi con nuôi của các cặp đồng tính. Qua việc nghiên cứu có thể rút ra một số gợi mở đối với pháp luật Việt Nam như sau:

(i) Sự kết hợp dân sự

Pháp luật Việt Nam chỉ công nhận việc kết hôn giữa hai người khác giới và không thừa nhận hôn nhân đồng giới (khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014). Trong điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay, khi nhận thức của mọi người trong xã hội về sự đa dạng của xu hướng tính dục và bản dạng giới ngày càng rõ ràng thì pháp luật nên cân nhắc việc thừa nhận sự kết hợp dân sự có đăng ký và tiến tới thừa nhận hôn nhân cùng giới. Điều này là tiền đề để Luật Nuôi con nuôi năm 2010 khi được sửa đổi, bổ sung, cho phép các cặp đồng tính được nhận nuôi con nuôi chung. Bảo đảm quyền làm cha mẹ cho các cặp đồng tính cũng như bảo đảm tốt nhất và tối đa cho trẻ, đặc biệt là đối tượng trẻ lang thang, trẻ mồ côi... Khi xem xét việc thừa nhận hình thức sống chung có đăng ký hay sự kết hợp dân sự có đăng ký cho các cặp đồng tính được coi là một bước đệm cần thiết mang tính thực tiễn cao để tiến tới hợp pháp hóa kết hôn giữa những người đồng tính. Đây không chỉ là một “gợi mở” mà còn là một phương thức hiệu quả để đánh giá thực trạng hiện nay, nhu cầu và khả năng thích ứng của xã hội trước khi đi đến hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính. Gợi mở này xuất phát từ việc tham khảo kinh nghiệm từ mô hình kết hợp dân sự (Civil union) được áp dụng tại các quốc gia như Đức, Anh, Thụy Sĩ, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng và bảo vệ quyền lợi cho cộng đồng LGBT. Mô hình này tạo điều kiện cho các cặp đồng tính có thể chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm tương tự như hôn nhân truyền thống một vợ, một chồng. Việc áp dụng mô hình kết hợp dân sự giúp tạo ra một cơ chế pháp

lý mới, hợp lý để bảo vệ quyền lợi của cộng đồng LGBT trong việc nhận nuôi con nuôi chung.

(ii) Kết hôn đồng tính

Khi cho phép các cặp đồng tính được kết hợp dân sự có đăng ký thì pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cần bổ sung quyền và nghĩa vụ của các bên tương tự như các cặp dị tính có đăng ký kết hôn, trong đó có quyền được nhận nuôi con nuôi chung. Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1948 đã ghi nhận đầy đủ quyền con người thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có quyền kết hôn, lập gia đình và bình đẳng trong hôn nhân. Vì vậy, có thể khẳng định việc ghi nhận các cặp đồng tính có sự kết hợp dân sự hay kết hôn là cơ sở quan trọng để thực hiện quyền được nhận nuôi con nuôi chung.

Thực tiễn, hiện nay cũng chưa có nghiên cứu nào khẳng định việc nuôi dạy con của các cặp đồng tính khác gì hay có ảnh hưởng tiêu cực gì đến con. Một sự thật hiện tại nhiều người thuộc nhóm đồng tính, song tính, chuyển giới... được sinh ra từ các cặp bố mẹ là người dị tính. Sự phát triển hài hoà về nhân cách và tư chất của mỗi cá nhân phụ thuộc vào nhiều yếu tố từ gia đình đến nhà trường, xã hội chứ không phải là xu hướng tính dục, bản dạng giới của cha mẹ. Nhiều cặp chung sống đồng tính hiện nay vẫn có đời sống chung ổn định, bền vững, thậm chí còn lâu dài hơn nhiều cặp vợ chồng dị tính khác. Việc thừa nhận nuôi con nuôi chung cho các cặp đồng tính cũng làm giảm bớt gánh nặng cho xã hội đối với nhóm trẻ em không có gia đình, không còn người thân. Do đó, khoản 3 Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 nên sửa đổi từ “Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng” thành “Một người được làm con nuôi của một người độc thân, của cả hai người là vợ chồng hoặc của cả hai người trong quan hệ kết hợp dân sự có đăng ký”.

(iii) Nuôi con nuôi của các cặp đôi đồng tính

Điều kiện nhận nuôi con nuôi của các cặp đồng tính, cần quy định tương tự như việc nhận nuôi con nuôi của các cặp vợ chồng dị tính - đáp ứng được các yêu cầu theo quy định tại Điều 8 và Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. Việc áp dụng các điều kiện nhận nuôi con nuôi đối với các cặp đồng tính giống các cặp dị tính không những bảo đảm quyền lợi cho tất cả mọi người mà còn thể hiện sự không phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Việc đặt thêm điều kiện cho các cặp đồng tính để họ được nhận con nuôi chung là không cần thiết và sẽ gây ra sự bất bình đẳng giữa mọi người. Đối với trường hợp nhận con riêng của một bên trong quan hệ kết hợp dân sự hay của một bên vợ, chồng làm con nuôi thì Luật Nuôi con nuôi năm 2010 nên có những thay đổi căn bản, đặc biệt là hệ quả pháp lý giữa đứa trẻ đối với mẹ hoặc cha nuôi, giữa đứa trẻ với mẹ ruột hoặc cha ruột. Khi hai bên chấm dứt việc sống chung hoặc ly hôn và có tranh chấp trong việc ai sẽ được quyền nuôi đứa trẻ cũng là vấn đề mà Luật Nuôi con nuôi cần quan tâm giải quyết. Bên cạnh đó, nếu đứa trẻ là con nuôi của

một bên trước khi họ kết hôn hoặc kết hợp dân sự có đăng ký, sau khi kết hôn, kết hợp dân sự có đăng ký thì vẫn nên cho người còn lại nhận đứa trẻ làm con nuôi. Trường hợp này được coi là con nuôi chung để bảo đảm quyền lợi cho đứa trẻ cũng như quyền được làm cha, mẹ của cặp đồng tính mà không có sự phân biệt đối xử. Nếu khi có tranh chấp nuôi con khi ly hôn hoặc khi chấm dứt việc chung sống có thể chỉ dẫn sang các quy định về xác định người trực tiếp nuôi con và người cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình./.

[1] Xem một số nghiên cứu: Gary J. Gates, M.V. Lee Badgett, Kate Chambers, Jennifer Macomber, *Adoption and Foster Care by Gay and Lesbian Parents in the United States* (2007); Charlotte J. Patterson, *Lesbian and Gay Parenting* (2005); Mark Regnerus, *How different are the adult children of parents who have same-sex relationships?*, Findings from the New Family Structures Study (2012) và một số nghiên cứu khác.

[2] FirmenABC (2021), *Adoption Homosexuelle - Wie Schwule & Lesben adoptieren können*, https://beratung.de/recht/ratgeber/adoption-homosexuelle-wie-schwule-lesben-adoptieren-koennen_fnqvie, truy cập ngày 15/11/2025.

[3] Bundesanzeiger (2017), *Gesetz zur Einführung des Rechts auf Eheschließung für Personen gleichen Geschlechts*, http://www.bgbl.de/xaver/bgbl/start.xav?startbk=Bundesanzeiger_BGBl&jumpTo=bgbl117s2787.pdf, truy cập ngày 15/11/2025.

[4] Bürgerliches Gesetzbuch (BLDS Đức), <https://www.gesetze-im-internet.de/bgb/>, truy cập ngày 16/11/2025.

[5] Bürgerliches Gesetzbuch (BLDS Đức), <https://www.gesetze-im-internet.de/bgb/>, truy cập ngày 16/11/2025.

[6] Phán quyết của Thượng viện thứ nhất ngày 19/2/2013, https://www.bverfg.de/e/ls20130219_1bvl000111, truy cập ngày 17/11/2025.

[7] Bundesanzeiger (2014), *Gesetz zur Umsetzung der Entscheidung des Bundesverfassungsgerichts zur Sukzessivadoption durch Lebenspartner*, http://www.bgbl.de/xaver/bgbl/start.xav?startbk=Bundesanzeiger_BGBl&jumpTo=bgbl114s0786.pdf, truy cập ngày 18/11/2025.

[8] Trong trường hợp này, các quy định tại mục 1749 đoạn 1 câu 2 và 3 cũng như đoạn 2 của BLDS Đức được áp dụng tương ứng.

[9] Bürgerliches Gesetzbuch (BLDS Đức), <https://www.gesetze-im-internet.de/bgb/>, truy cập ngày 19/11/2025.

[10] Swiss Civil Code
1907, https://www.fedlex.admin.ch/eli/cc/24/233_245_233/en, truy cập ngày
20/11/2025.

[11] Swiss Civil Code 1907,
https://www.fedlex.admin.ch/eli/cc/24/233_245_233/en, truy cập ngày 20/11/2025.

[12] Pink News (2013), *Government announces date of first same-sex
marriages in England and Wales*,
[https://www.thepinknews.com/2013/12/10/government-announces-date-of-first-same-
sex-marriages-in-england-and-wales](https://www.thepinknews.com/2013/12/10/government-announces-date-of-first-same-sex-marriages-in-england-and-wales), truy cập ngày 21/11/2025.

[13] Art. 19, Art. 20, Art. 21 Adoption and Children Act 2002,
<https://www.legislation.gov.uk/ukpga/2002/38/contents>, truy cập ngày 21/11/2025.